

Số: 118/2024/QĐCNTTLH

Như Thanh, ngày 15 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào các điều 29; 33; 38; 55; 59; 62; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung của chị Phùng Thị H.
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30 tháng 10 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Phùng Thị H - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện: Anh Nguyễn Văn H1 - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện N: Ông Nguyễn Trọng H2 - Phó trưởng phòng TN&MT huyện Như Thanh

Giấy uỷ quyền ngày 28 tháng 10 năm 2024.

+ UBND thị trấn B, huyện N

Người đại diện hợp pháp của UBND thị trấn B: Bà Nguyễn Thị H3 - Cán bộ địa chính - Xây dựng thị trấn B.

Văn bản uỷ quyền số 36/GUQ-UBND ngày 28/10/2024.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30 tháng 10 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30 tháng 10 năm 2024, cụ thể như sau:

*** Về phần hôn nhân:** Chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

*** Về phần con chung:** Chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thống nhất có 02 con chung là:

Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/11/2010.

Nguyễn Gia K, sinh ngày 08/6/2018.

Cháu T phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ, cháu K bị rối loạn phổ tự kỷ, chậm phát triển trí tuệ.

Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận: Chị H trực tiếp nuôi cả hai cháu Bảo T và Gia K; anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo T mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia K mỗi tháng 4.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2024 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Anh H1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*** Về phần tài sản và công nợ:**

Về công nợ: Chị H, anh H1 thống nhất không có công nợ chung.

Về tài sản: Chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thống nhất có các tài sản chung là:

- Quyền sử dụng đất: Tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10 (BĐ- ĐC đo vẽ năm 2006), diện tích 284m² (trong đó: đất ở 134m², đất trồng cây lâu năm khác 150m²); Giấy chứng nhận QSD đất số CD 171368, do UBND huyện N cấp ngày 02/06/2016, cấp cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Phùng Thị H; địa chỉ tại: khu phố H, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong đó: Diện tích đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 284m²; diện tích đất anh H1, chị H đang sử dụng cùng thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10 nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 166,8m²; Tổng diện tích đất được đo đạc trên thực địa là 450,8m²; Đặc điểm khu đất đo đạc trên thực địa cụ thể như sau:

- + Phía Đông: Dài 44,05m giáp đất nhà anh Đỗ Văn T1 và chị Đỗ Thị H4.
- + Phía Tây: Dài 45,96m giáp đất nhà ông Đỗ Xuân A.
- + Phía Nam: Dài 10m giáp đường liên xã Đ.
- + Phía Bắc: Dài 10,23m giáp đất ông Trịnh Văn S đang sử dụng.

- Tài sản gắn liền với đất:

+ 01 nhà gỗ lợp ngói, tường xây trát; diện tích 47,3m².

+ 01 nhà xây trát mái lợp tôn; diện tích 147,5m².

Tình trạng tài sản được thể hiện chi tiết trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2024.

* *Ý kiến đại diện UBND huyện N:* Phần đất dôi dư 166,8m² nằm trong cùng thửa đất anh H1 và chị H tranh chấp. Tình trạng diện tích đất trên thực địa không khớp với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xảy ra nhiều trên thực tế. Nếu hộ gia đình đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp với người khác thì đề nghị Tòa án tạm giao cho anh H1, chị H tiếp tục sử dụng và giải quyết chia tài sản theo quy định. Nếu có đủ điều kiện thì được Nhà nước xem xét giao đất bổ sung cho người được tạm giao sử dụng đất. Nếu có tranh chấp với chủ thể khác (người thứ ba) thì đề nghị Tòa án tách ra để giải quyết thành vụ án khác.

* *Ý kiến đại diện UBND thị trấn B:* Phần đất dôi dư 166,8m² nằm trong cùng thửa đất anh H1 và chị H tranh chấp, hộ gia đình đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp với người khác nên đề nghị Tòa án tạm giao cho anh H1, chị H tiếp tục sử dụng và giải quyết chia tài sản theo quy định. Nếu có đủ điều kiện thì được Nhà nước xem xét giao đất bổ sung cho người được tạm giao sử dụng đất. Nếu có tranh chấp với chủ thể khác (người thứ ba) thì đề nghị Tòa án tách ra để giải quyết thành vụ án khác.

Anh H1, chị H thoả thuận chia tài sản như sau:

- *Về quyền sử dụng đất:* Chia cho anh H1 phần đất phía Tây, chia cho chị H phần đất phía Đông của thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10 (BĐ-ĐC đo vẽ năm 2006), địa chỉ tại: khu phố H, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể:

+ Chia cho chị Phùng Thị H 142m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 67m² đất ở và 75m² đất trồng cây lâu năm khác. Tạm giao cho chị Phùng Thị H 80,9m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng diện tích đất trên thực địa được giao và tạm giao cho chị H sử dụng là 222,9m²; có đặc điểm ranh giới như sau:

Phía Đông: Dài 44,05m giáp đất anh Đỗ Văn T1 và chị Đỗ Thị H4.

Phía Tây: Dài 45,02m giáp đất chia cho anh Nguyễn Văn H1.

Phía Nam: Dài 5,0m giáp đường liên xã Đ.

Phía Bắc: Dài 5,14m giáp đất ông S đang sử dụng.

+ Chia cho anh Nguyễn Văn H1 142m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 67m² đất ở và 75m² đất trồng cây lâu năm khác. Tạm giao cho anh Nguyễn Văn H1 85,9m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng diện tích đất trên thực địa được giao và tạm giao cho anh H1 sử dụng là 227,9m²; có đặc điểm ranh giới như sau:

Phía Đông: Dài 45,02m giáp đất chia cho chị Phùng Thị H.

Phía Tây: Dài 45,96m giáp đất ông Đỗ Xuân A.

Phía Nam: Dài 5,0m giáp đường liên xã Đ.

Phía Bắc: Dài 5,10m giáp đất ông S đang sử dụng.

Có sơ đồ chia đất kèm theo

Trường hợp diện tích đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đủ điều kiện giao bổ sung thì chị Phùng Thị H, anh Nguyễn Văn H1 có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền giao bổ sung cho mình phần đất dôi dư mà chị, anh được Toà án tạm giao quyền sử dụng.

- *Về tài sản gắn liền với đất:* Hai bên thỏa thuận, anh H1 được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất (02 căn nhà). Đối với phần tài sản gắn liền với đất được chia cho anh H1 nhưng nằm trên phần đất chia cho chị H, chị H có trách nhiệm tạo điều kiện cho anh H1 giữ nguyên vị trí, hiện trạng trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01/11/2024. Hết thời hạn trên anh H1 có trách nhiệm tháo dỡ hoặc di dời toàn bộ phần tài sản được chia cho anh nằm trên phần đất chia chị H.

Anh H1 có trách nhiệm thanh toán cho chị H 110.000.000 đồng tiền chênh lệch chia tài sản.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền chênh lệch chia tài sản, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* ***Về chi phí tố tụng:*** Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 8.000.000 đồng, chị H xin chịu toàn bộ chi phí (chị H đã nộp đủ).

* ***Về các vấn đề khác:*** Không có.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- UBND TT Bến Sung, huyện Như Thanh;
- Lưu TA.

Lê Đình Huy

